TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 115/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồ Hòa.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Quý – Bà Phạm Thị Chiến.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 1 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/01/1998; CCCD: 040198024476; Địa chỉ: K, phường V, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cư trú tại Đài Loan . Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh ngày 15/4/1997; CCCD: 040097013535.

Nơi ĐKHKTT: K, phường V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T với anh Nguyễn Hữu Nghĩa L vợ chồng, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2018 tại UNND xã N, huyện N (nay là phường V), tỉnh Nghệ An; kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, chị T đã đi nước ngoài sinh sống và làm việc. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 24/9/2018. Hiện nay cháu Q đang ở với anh N. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh N yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai trong và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày: Anh N với chị Nguyễn Thị T là vợ chồng, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2018 tại UNND xã N, huyện N (nay là phường V), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 24/9/2018. Hiện nay cháu Q đang ở với anh N. Khi ly hôn, anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xuất cảnh đi Đài Loan. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Nghệ An đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T và chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

Các đương sự tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo Điều 228 BLTTDS là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

Về tình cảm: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu N; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 24/9/2018 cho anh Nguyễn Hữu N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T vì anh N không yêu cầu. Chị T có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại khối G, phường V, tỉnh Nghệ An, hiện chị T đang cư trú tại Đài Loan. Còn anh Nguyễn Hữu N hiện đang cư trú tại khối G, phường V, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 40, Điều 469 của BLTTDS; Điều 35 Luật số 85/2025QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, văn bản tố tụng khác cho các đương sự theo đúng quy định tại các Điều 196; 208; 220 của BLTTDS. Sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và đề nghị tống đạt văn bản cho người đại diện theo ủy quyền, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Hữu N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2018 tại UNND xã N, huyện N (nay là phường V), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, chị T đang cư trú và làm việc ở nước ngoài. Nay chị Thương cảm T1 vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N cũng xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét thấy, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh N đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 24/9/2018. Hiện nay cháu Q đang ở với anh N. Nay ly hôn, anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung thì chị T đồng ý. Xét thấy yêu cầu được nuôi con của anh Nghĩa L hoàn toàn chính đáng và từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung đang ở cùng với anh N, được chăm sóc, phát triển hoàn toàn bình thường, khỏe mạnh; còn chị T hiện nay đang đi làm việc, sinh sống ở nước ngoài. Việc giao con chưa thành niên cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng là tùy thuộc vào sự phát triển mọi mặt của con chung. Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao con chung là Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 24/9/2018 cho anh Nguyễn Hữu N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do anh N không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 40, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật số 85/2025QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân Tối Cao.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 24/9/2018 cho anh Nguyễn Hữu N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T do anh N không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0002204 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Nghệ An;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An (ĐKKH ngày 30/5/2018 tại xã Nghi Phong);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA